

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN THỊ TRANG

**KINH TẾ DU LỊCH Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM
PHÍA BẮC TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

**LUẬN ÁN TIẾN SĨ
CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

HÀ NỘI - 2017

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

ĐOÀN THỊ TRANG

**KINH TẾ DU LỊCH Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM
PHÍA BẮC TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ

CHUYÊN NGÀNH: KINH TẾ CHÍNH TRỊ

Mã số: 62 31 01 02

HÀ NỘI - 2017

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan công trình nghiên cứu này là của riêng tôi. Các số liệu trong luận án là trung thực. Những kết luận trong luận án chưa từng được công bố ở bất cứ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN ÁN

Đoàn Thị Trang

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
MỞ ĐẦU	1
Chương 1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU LIÊN QUAN ĐẾN KINH TẾ DU LỊCH Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ	8
1.1. Các công trình nghiên cứu có liên quan đến những khía cạnh chung của kinh tế du lịch	8
1.2. Các công trình nghiên cứu liên quan về kinh nghiệm phát triển kinh tế du lịch ở các nước và giải pháp phát triển du lịch trong hội nhập quốc tế	20
1.3. Kết quả nghiên cứu ở các công trình đã công bố và những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu	27
Chương 2. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VỀ KINH TẾ DU LỊCH Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ	31
2.1. Kinh tế du lịch và các tiêu chí đánh giá hiệu quả của kinh tế du lịch ở vùng kinh tế trọng điểm trong hội nhập quốc tế	31
2.2. Mối quan hệ giữa kinh tế du lịch ở vùng kinh tế trọng điểm và hội nhập quốc tế	56
2.3. Kinh nghiệm về phát triển kinh tế du lịch ở một số quốc gia - bài học cho Việt Nam và vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc	64
Chương 3. THỰC TRẠNG KINH TẾ DU LỊCH Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA BẮC TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ GIAI ĐOẠN 2011 - 2015	73
3.1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội và tiềm năng phát triển kinh tế du lịch ở vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc	73
3.2. Thực trạng kinh tế du lịch ở vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc trong hội nhập quốc tế giai đoạn 2011 - 2015	83
3.3. Đánh giá chung về kinh tế du lịch ở vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc trong hội nhập quốc tế giai đoạn 2011 - 2015 và những vấn đề đặt ra	106
Chương 4. PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU ĐỂ PHÁT TRIỂN KINH TẾ DU LỊCH Ở VÙNG KINH TẾ TRỌNG ĐIỂM PHÍA BẮC TRONG HỘI NHẬP QUỐC TẾ ĐẾN NĂM 2020, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2030	118
4.1. Phương hướng phát triển kinh tế du lịch ở vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc trong hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	118
4.2. Giải pháp chủ yếu để phát triển kinh tế du lịch ở vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc trong hội nhập quốc tế đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030	126
KẾT LUẬN	147
DANH MỤC CÔNG TRÌNH LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ	151
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	152

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

APEC:	Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương
ASEAN:	Hiệp hội các nước Đông Nam Á
FDI:	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
GDP:	Tổng sản phẩm quốc nội
GMS:	Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng
HNQT:	Hội nhập quốc tế
KHCN:	Khoa học, công nghệ
KTDL:	Kinh tế du lịch
KTTĐ:	Kinh tế trọng điểm
LLSX	Lực lượng sản xuất
MICE:	Du lịch kết hợp hội nghị, hội thảo.
ODA:	Hỗ trợ phát triển chính thức
OECD:	Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế
PATA:	Hiệp hội Du lịch châu Á - Thái Bình Dương
PCLĐ:	Phân công lao động
SWOT:	Điểm mạnh, điểm yếu, thời cơ, thách thức
UNESCO:	Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc
UNWTO:	Tổ chức du lịch thế giới
WTO:	Tổ chức thương mại thế giới

DANH MỤC CÁC BẢNG

	<i>Trang</i>
<i>Bảng 3.1:</i> Tỷ lệ lao động qua đào tạo của cả nước và các vùng kinh tế trọng điểm (2011-2014)	76
<i>Bảng 3.2:</i> Số lượng lao động trực tiếp trong ngành du lịch ở vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc (2011 - 2015)	85
<i>Bảng 3.3:</i> Cơ sở lưu trú của các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc (2011-2015)	89
<i>Bảng 3.4:</i> Số khách sạn được xếp hạng từ 1 đến 5 sao tại vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc năm 2015	91
<i>Bảng 3.5:</i> Các doanh nghiệp lữ hành của các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc năm 2015	92
<i>Bảng 3.6:</i> Doanh thu của các cơ sở lưu trú và cơ sở lữ hành ở vùng KTTĐ phía Bắc (2011-2015)	93
<i>Bảng 3.7:</i> Hiện trạng khách quốc tế đến vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc (2011- 2015)	95
<i>Bảng 3.8:</i> Lượng khách nội địa đến vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc (2011 - 2015)	98
<i>Bảng 3.9:</i> Thực trạng phát triển sản phẩm du lịch của các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc	105
<i>Bảng 3.10:</i> Tổng thu từ khách du lịch của các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc (2011 - 2015)	107
<i>Bảng 4.1:</i> Một số chỉ tiêu chủ yếu trong lĩnh vực du lịch ở vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc đến năm 2030	122

DANH MỤC CÁC BIỂU ĐỒ

	<i>Trang</i>
<i>Biểu đồ 3.1:</i> So sánh lượng khách quốc tế đến vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc với các vùng khác trong nước (2011-2015)	97
<i>Biểu đồ 3.2:</i> So sánh lượng khách nội địa đến vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc với các vùng khác trong nước (2011-2015)	99
<i>Biểu đồ 3.3:</i> So sánh tổng thu từ khách du lịch ở vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc với các vùng khác trong nước (2011-2015)	108
<i>Biểu đồ 3.4:</i> Giá trị gia tăng GDP du lịch của các tỉnh trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc (2011-2015)	109
<i>Biểu đồ 3.5:</i> Số lao động du lịch được giải quyết việc làm ở vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc (2011-2015)	110
<i>Biểu đồ 4.1:</i> Dự báo tăng trưởng khách du lịch quốc tế đến năm 2030	118

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Ngày nay, kinh tế du lịch (KTDL) trở thành ngành mới, hiệu quả cao và ngày càng phát triển ở mỗi quốc gia. KTDL là ngành kinh tế tổng hợp, có tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao. Phát triển KTDL không chỉ đáp ứng nhu cầu du lịch ngày càng tăng của người dân mà còn đóng vai trò quan trọng trong “xuất khẩu tại chỗ” các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ ra nước ngoài. KTDL không chỉ đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của đất nước, mà còn tạo động lực phát triển các ngành kinh tế khác, tạo nhiều cơ hội việc làm và thu nhập cho người dân, là phương tiện quảng bá hình ảnh của quốc gia trong bối cảnh hội nhập.

Trong những năm qua, ngành Du lịch Việt Nam đã có bước phát triển rõ rệt và đạt được những kết quả quan trọng, năm 2016 đóng góp trực tiếp đạt 6,8% GDP, cả gián tiếp và lan tỏa đạt 14% GDP của cả nước. Đối với Việt Nam, du lịch ngày càng có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội và luôn nhận được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước. Ngày 16/01/2017, Bộ Chính trị đã ra Nghị quyết số 08-NQ/TW về *phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn* với 5 quan điểm và 8 nhóm giải pháp cụ thể.

Trong bối cảnh hội nhập ngày càng sâu rộng của Việt Nam, phát triển KTDL ở các vùng kinh tế trọng điểm (KTTĐ) nói chung, vùng KTTĐ phía Bắc nói riêng là điều tất yếu nhằm tạo sức lan tỏa, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, các vùng lân cận và cả nước.

Vùng KTTĐ phía Bắc là một trong bốn vùng KTTĐ của Việt Nam, nằm ở vị trí trung tâm của sự giao lưu giữa vùng Đông Bắc và vùng Tây Bắc, giữa vùng núi phía Bắc với miền Trung và các tỉnh phía Nam. Do vị trí địa lý tự nhiên, vùng KTTĐ phía Bắc vừa là khu vực hướng ra biển Đông, vừa là cửa ngõ của các tỉnh/thành phía Bắc, có hai hành lang và một vành đai kinh tế

trong quan hệ Việt Nam - Trung Quốc. Do vậy, vùng có một vị trí đặc biệt quan trọng trong phát triển kinh tế, chính trị và quốc phòng - an ninh. Đây là trung tâm kinh tế năng động và là đầu tàu kinh tế quan trọng của miền Bắc và Việt Nam.

So với các khu vực khác, vùng KTTĐ phía Bắc có điều kiện thuận lợi nổi bật để phát triển KTDL, là nơi tập trung nhiều di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh của Việt Nam, vành đai vùng hình thành tam giác tăng trưởng kinh tế Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh với cửa ngõ ra biển Đông, đến với các nước trong khu vực và trên thế giới; vùng bao gồm thủ đô Hà Nội - trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa và khoa học, công nghệ (KH-CN) của cả nước với các cơ quan Trung ương, các trung tâm điều hành tổ chức kinh tế lớn, các cơ sở đào tạo, nghiên cứu và triển khai KH-CN quốc gia, đang giữ vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình phát triển đất nước. Chính vì vậy, phát triển KTDL ở vùng KTTĐ phía Bắc là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế của vùng nói riêng và của Việt Nam nói chung.

Trong những năm qua, KTDL ở vùng KTTĐ phía Bắc đã có những bước phát triển đáng kể, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tiến bộ, tạo nhiều cơ hội việc làm và thu nhập cho người lao động và bảo đảm an sinh xã hội... Tuy nhiên, sự phát triển hiện nay của KTDL ở vùng KTTĐ phía Bắc trong bối cảnh hội nhập quốc tế (HNQT) còn mờ nhạt, chưa thể hiện được sự liên kết vùng và nội vùng để trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; chưa phát huy được tiềm năng, thế mạnh của vùng trước yêu cầu HNQT. Một số địa phương trong vùng bước đầu có sự phát triển về KTDL nhưng đã gây ra những bức xúc về xã hội và môi trường, thiếu tính bền vững. KTDL ở vùng KTTĐ phía Bắc có xu hướng manh mún, thiếu gắn kết, không đúng với mục tiêu phát triển trọng tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội toàn vùng. Đây là những vấn đề hết sức cấp bách ảnh hưởng lớn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của vùng KTTĐ phía Bắc nói

riêng và của cả nước nói chung, cần được nghiên cứu, tổng kết và đề xuất giải pháp khắc phục.

Xuất phát từ thực tế nêu trên, nghiên cứu sinh lựa chọn đề tài: “***Kinh tế du lịch ở vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc trong hội nhập quốc tế***” làm luận án tiến sĩ chuyên ngành kinh tế chính trị. Tác giả mong muốn góp phần vào việc khẳng định vai trò quan trọng của KTDL đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, làm rõ thực trạng KTDL ở vùng KTTĐ phía Bắc trong bối cảnh HNQT, chỉ ra những hạn chế, nguyên nhân, trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp khắc phục.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu của luận án

2.1. Mục đích nghiên cứu

Trên cơ sở những kết quả nghiên cứu về mặt lý luận và thực tiễn, luận án đề xuất một số giải pháp thiết thực để phát triển KTDL ở vùng KTTĐ phía Bắc trong HNQT.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Hệ thống hóa, bổ sung và làm rõ hơn cơ sở lý luận về KTDL ở vùng KTTĐ trong bối cảnh HNQT.

- Tìm hiểu kinh nghiệm phát triển KTDL ở một số quốc gia trên thế giới trong HNQT. Từ đó rút ra bài học cho vùng KTTĐ phía Bắc của Việt Nam.

- Đánh giá thực trạng KTDL ở vùng KTTĐ phía Bắc trong bối cảnh HNQT.

- Đề xuất giải pháp chủ yếu để phát triển KTDL ở vùng KTTĐ phía Bắc trong HNQT.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận án

3.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án

Có nhiều hướng tiếp cận để nghiên cứu chuyên sâu về KTDL vùng. Từ cách tiếp cận của chuyên ngành kinh tế chính trị, đối tượng nghiên cứu của luận án được xác định là nội dung KTDL ở vùng KTTĐ phía Bắc bao gồm: hệ thống những hoạt động kinh tế của các chủ thể thuộc KTDL; kết cấu hạ tầng phục vụ KTDL; tài nguyên du lịch và các sản phẩm du lịch của vùng